

Số: 08/2025/QĐST- HNGĐ

Đồng Tháp, ngày 17 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – ĐỒNG THÁP

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 của Luật
Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban
Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng
án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 109/2025/TLST- Việc
HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2025, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”
của:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Trần Ngọc P, sinh năm 1999.

CCCD số: 084095003950

Địa chỉ: Ấp S, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

2. Chị Nguyễn Thị Ái N, sinh năm 1998.

CCCD số: 082198008446

Địa chỉ: Ấp A, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ việc hôn nhân gia đình
và căn cứ vào kết quả hòa giải đoàn tụ không thành ngày 09 tháng 7 năm 2025, Tòa
án xác định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh P và chị N tự tìm hiểu, quen biết rồi tiến đến hôn
nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang vào
ngày 27/02/2024 theo giấy chứng nhận kết hôn số 15. Như vậy, hôn nhân giữa anh,
chị là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình sống chung đến đầu năm 2025, anh P và chị N đã phát sinh nhiều mâu
thuẫn, thường xuyên cự cãi, bất đồng về quan điểm về lối sống dẫn đến đời sống vợ

chồng không thể kéo dài. Anh, chị cũng đã ly thân. Tại đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, anh B và chị L yêu cầu Tòa án công nhận anh, chị thuận tình ly hôn.

Sau khi Tòa án thụ lý việc hôn nhân và gia đình vào ngày 26 tháng 6 năm 2025, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn, đoàn tụ cho anh, chị nhưng kết quả đoàn tụ không thành vào ngày 09 tháng 7 năm 2025. Sau thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành giữa các đương sự, anh P và chị N cũng không có thay đổi ý kiến gì khác. Như vậy tình cảm vợ chồng giữa anh, chị đã không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận cho anh, chị thuận tình ly hôn là phù hợp.

[2]. *Về con chung*: Anh P và chị N thống nhất, khi ly hôn giao con chung là cháu Trần Ngọc An N1, sinh ngày 04/3/2024 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh P và chị N thống nhất anh P tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Trần Ngọc An N1 với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng, thực hiện vào ngày 10 mỗi tháng, bắt đầu từ tháng 7/2025 cho đến khi cháu An N1 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được.

[3]. *Về tài sản chung*: Anh P và chị N trình bày không có tài sản chung.

[4]. *Về nợ chung*: Anh P và chị N khẳng định không có.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Anh P và chị N tự nguyện chịu.

[6]. Sau khi nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh, chị, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý việc hôn nhân và gia đình và đã tiến hành hòa giải để nhằm hàn gắn, đoàn tụ nhưng hòa giải đoàn tụ không thành vào ngày 09 tháng 7 năm 2025 và xét thấy hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn diện vụ, việc.

[7]. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Ngọc P và chị Nguyễn Thị Ái N.

2. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, cụ thể:

2.1. Về con chung: Giao con chung giữa anh P và chị Nghĩa L1 cháu Trần Ngọc An N1, sinh ngày 04/3/2024 cho chị Nguyễn Thị Ái N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trần Ngọc P tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Trần Ngọc An N1 với mức cấp dưỡng 2.00.000 đồng/tháng, thực hiện vào ngày 10 mỗi tháng, bắt đầu từ tháng 7/2025 cho đến khi cháu Trần Ngọc An N1 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Ái N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Trần Ngọc P chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu lãi trên số tiền chậm thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tại thời điểm thanh toán.

2.2. Anh Trần ngọc P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.3. Chị Nguyễn Thị Ái N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Ngọc P tự nguyện chịu 150.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; chị Nguyễn Thị Ái N tự nguyện chịu 150.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh P, chị N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004078 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước. Xem như anh, chị đã hoàn thành xong nghĩa vụ chịu lệ phí Tòa án.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực 3-Dồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Ủy ban nhân dân xã Hưng Thạnh;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Thạch Hải Âu